

PHỤ LỤC VI
MẪU VĂN BẢN KÊ KHAI GIÁ
(Kèm theo Nghị định số 85/2024/NĐ-CP ngày 10 tháng 7 năm 2024 của Chính phủ)

**CÔNG TY TNHH MTV
MINH PHÚ THÀNH**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 54.....
V/v kê khai giá hàng hóa, dịch vụ
bán trong nước hoặc xuất khẩu

Lào Cai, ngày 25 tháng 03 năm 2025

Kính gửi: Sở y tế Lào Cai

Thực hiện quy định tại Luật Giá, Nghị định số 85/2024/NĐ-CP ngày 10/7/2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Giá.

Công ty TNHH MTV Minh Phú Thành gửi Bảng kê khai mức giá hàng hóa, dịch vụ bán trong nước hoặc xuất khẩu (đính kèm).

Mức giá kê khai này thực hiện từ ngày 25/03/2025

Công ty TNHH MTV Minh Phú Thành xin chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính chính xác của mức giá mà chúng tôi đã kê khai.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu:.....

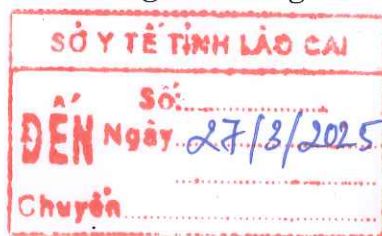


GIÁM ĐỐC
Trần Thị Minh

- Họ và tên người nộp văn bản: Trần Thị Minh
- Địa chỉ đơn vị thực hiện kê khai: Công ty TNHH MTV Minh Phú Thành
- Số điện thoại liên lạc: 0982.817.637
- Email: tran.minh.phu.thanh@gmail.com
- Số fax:

GHI NHẬN NGÀY NỘP VĂN BẢN KÊ KHAI GIÁ
CỦA CƠ QUAN TIẾP NHẬN

(Cơ quan tiếp nhận văn bản kê khai giá ghi ngày, tháng, năm nhận được văn bản kê khai giá và đóng dấu công văn đến)



CÔNG TY TNHH MTV
MINH PHÚ THÀNH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Lào Cai ngày 2.5.... tháng 03... năm 2025

BẢNG KÊ KHAI MỨC GIÁ

(Kèm theo công văn sốngày..... tháng..... năm..... của..... về việc kê khai giá hàng hóa, dịch vụ bán trong nước hoặc xuất khẩu)

1. Mức giá kê khai bán trong nước:

STT	Tên hàng hóa, dịch vụ	Đặc điểm kinh tế - kỹ thuật, quy cách	Đơn vị tính	Loại giá (bán buôn)	Giá kê khai kỳ liền kề trước (kèm số văn bản kê khai)	Giá kê khai kỳ này	Thời điểm định giá, điều chỉnh giá	Mức tăng/giảm so với kỳ liền kề trước	Tỷ lệ tăng/giảm so với kỳ liền kề trước	Ghi chú
1	Loxmen 100mg 1*4v (Sildenafil citrat 100mg)	Hộp 1 vỉ *4 viên	hộp	197.980		197.980				
2	Difilen(Diclofenac natri) 50mg Hộp 1*10 Phức vinh	Hộp 1 vỉ *10 viên	hộp	7.000		7.000				
3	Acyclovir 400mg Hộp 5*10 Phức vinh	Hộp 5 vỉ *10 viên	hộp	47.250		47.250				
4	Trà gừng H10 gói*3g HD	Hộp 10 gói *3g	hộp	10.560		10.560				
5	Trà gừng H10g TPC	Hộp 10 gói *3g	hộp	10.795		10.795				

6	Siro Motilum-M lọ 60ml	Lọ 60ml	lọ	44.215		44.215				
7	Debridat 100mg h2*15	Hộp 2 vỉ *15 viên	hộp	80.206		80.206				
8	Duphalac h20g (Lactulose)	Hộp 20 gói	hộp	101.192		101.192				
9	Dudencer h3*10 (Omeprazol) 20mg	Hộp 3 vỉ *10 viên	hộp	20.067		20.067				
10	Fugaca 500mg vỉ 1v Thải (Mebendazol)	Hộp 1 viên	hộp	19.240		19.240				
11	Hidrasec 10mg h16g (Racecadoltril)	Hộp 16 gói	hộp	87.551		87.551				
12	Hidrasec 30mg h30g (Racecadoltril)	Hộp 30 gói	hộp	188.855		188.855				
13	Lomac vỉ 10v ẨN (Omeprazol)	Hộp 10 vỉ * 10 viên	vỉ	26.100		26.100				
14	Motilum-M vỉ 10v Thải (Domperidone maleate)	Hộp 10 vỉ * 10 viên	vỉ	21.450		21.450				
15	Nospa 40mg vỉ 10v sanofi (Drotaverine hydrochloride)	Hộp 5 vỉ *10 viên	hộp	47.000		47.000				
16	Nexium mups 40mg 2*7 (Esomeprazol)	Hộp 2 vỉ *7 viên	hộp	343.350		343.350				
17	Nexium sac 10mg h28g (Esomeprazol)	Hộp 28 gói	gói	24.038		24.038				

18	Omeprazol 20mg lọ 14v (Omeprazol)	Lọ 14 viên	lọ	7.000		7.000				
19	Phosphalugel h26g (Aluminium phosphate)	Hộp 26 gói	hộp	105.000		105.000				
20	SMECTA Điều trị tiêu chảy Hộp 10 gói (Diosmectite)	Hộp 10 gói	hộp	40.000		40.000				
21	Sorbitol 5g hộp 20 gói HG	Hộp 20 gói	hộp	21.000		21.000				
22	Albenca 200 (Albendazol) 200mg Hộp 1*2	Hộp 1 vỉ * 2 viên	hộp	4.700		4.700				
23	MOPRAZOL (Omeprazole 20mg) hộp 10*10 Imexpharm	Hộp 10 vỉ * 10 viên	hộp	90.000		90.000				
24	Benda TL (Mebendazol) 500mg	Hộp 1 viên	viên	13.740		13.740				
25	Bisacodyd DHG hộp 100	Hộp 5 vỉ * 20 viên	hộp	30.300		30.300				
26	Ovalax < Bisacodyd 5mg> H1*10	Hộp 1 vỉ * 10 viên	hộp	8.000		8.000				
27	BIOFLORA 100mg H20g (Saccharomyces boulardii CNCM I-745)	Hộp 20 gói	hộp	102.000		102.000				

28	Esomeprazol 40- US H3*10 (Omeprazol)	Hộp 3 vỉ * 10 viên	hộp	58.000		58.000				
29	Motilium PV H10*10v (Domperidone)	Hộp 10 vỉ *10 viên	vỉ	1.890		1.890				
30	NO-SPA Forte 80mg H 2*10vỉ (Drotaverin hydroclorid)	Hộp 2 vỉ *10 viên	hộp	26.000		26.000				
31	MOPRAZOL (Omeprazol 20mg) lọ 100v Imexpharm	Hộp 10 vỉ *10 viên	lọ	88.000		88.000				
32	Cimetidin 300mg Hộp 10*10 Imexpharm	Hộp 10 vỉ *10 viên	hộp	109.700		109.700				
33	Pantostad 40 h28v	Hộp 4 vỉ * 7 viên	hộp	45.600		45.600				
34	Avalo h1*28 (Levonorgestrel)	Hộp 1 vỉ 28 viên	hộp	18.360		18.360				
35	Loratidin 10mg1vỉ*10v TPC	Hộp 1 vỉ 10 viên	vỉ	10.500		10.500				
36	Misoprostol 200mcg h3*10	Hộp 3 vỉ *10 viên	hộp	125.000		125.000				
37	Meeredi(Mifepriton) 10mg h1v	Hộp 1 vỉ *1 viên	vỉ	4.800		4.800				
38	Clorpheniramin 4mg H10*20v HG	Hộp 10 vỉ *20 viên	hộp	16.800		16.800				

39	Clorpheniramin 4mg lọ 200v HG	Lọ 200 viên	lọ	8.000		8.000				
40	Siro Theralene 90ml (Alimemazin)	Lọ 90 ml	lọ	15.300		15.300				
41	LORATADIN 10mg H10*10v TPC	Hộp 10 vỉ *10 viên	hộp	97.000		97.000				
42	Medi-Loratidin hộp 10*10v	Hộp 10 vỉ *10 viên	Hộp	48.300		48.300				
43	Maxx Victoria h1v Xanh (Levonorgestrel)	Hộp 1 vỉ *1 viên	hộp	14.000		14.000				
44	Victoria(Levonorgestrel) 1.5mg H1viên Tím	Hộp 1 vỉ *1 viên	hộp	14.000		14.000				
45	Fluconazole 150mg Stella	Hộp 1 vỉ *1 viên	hộp	10.500		10.500				
46	Cồn 90-500ml Kiện 20 chai Hải đông	Chai 500ml	lọ	27.000		27.000				
47	Cồn 90 50ml Hải Đông C10 lọ	Chai 50ml	lọ	3.700		3.700				
48	Vitamin B6 50mg HD	Hộp 3 vỉ *20 viên	hộp	35.000		35.000				
49	Mỡ Aciclovir 5g TPC	Tuýp 5g	tuýp	18.000		18.000				
50	MOOV 7.5 (Meloxicam B.P. 7.5mg) H10*10	Hộp 10 vỉ * 10 viên	hộp	20.000		20.000				

51	Meloxicam B.P. 7.5mg H10*10	Hộp 10 vỉ * 10 viên	vi	2.000		2.000				
52	Cồn 90 500ml	Chai 500ml	Chai	27.000		27.000				
53	Cồn 70 50ml	Lọ 50ml	lọ	3.800		3.800				
54	Mỡ nizoral 10g Thái lan (Ketoconazol)	Tuýp 10g	tuýp	33.000		33.000				
55	Mỡ Nizoral 5g Thái lan (Ketoconazol)	Tuýp 5g	tuýp	21.000		21.000				
56	DD Povidin 10% 90ml	Chai 90 ml	lọ	13.500		13.500				
57	DD Povidin 10% 20ml	Lọ 20 ml	lọ	4.500		4.500				
58	DD Povidin 10% 500ml HD	Chai 500ml	lọ	48.000		48.000				
59	Mỡ Cadirovib(Acyclovir) 5% 5g USP	Tuýp 5g	tuyp	4.900		4.900				
60	ASA 20ml VN	Lọ 20ml	hộp	3.000		3.000				
61	Mỡ Aciclovira 5%/5g HD	Tuýp 5g	tuyp	8.500		8.500				
62	BSI 20ml	Lọ 20ml	lọ	4.800		4.800				
63	Effenrangan 150mg đặt pháp (Paracetamol)	Hộp 2 vỉ * 5 viên	hộp	29.000		29.000				
64	Effenrangan 300mg đặt (Paracetamol)	Hộp 2 vỉ * 5 viên	hộp	35.200		35.200				

65	Thuốc nhỏ mũi JAZXYLO(Xylometazolin) 0.05% Lọ 10ml	Lọ 10ml lọ		8.000		8.000				
66	Kem bôi ngoài da Tezkin 10g (Terbinafin)	Tuýp 10g túp		20.000		20.000				
67	Thuốc xịt mũi JAZXYLO Adult(Xylometazolin) 0.1% Lọ 15ml		lọ	18.000		18.000				
68	Mỡ Acyclovir Stella 5g	Tuýp 5g típ		16.000		16.000				
69	Nốc Oxy già 3% 50ml HD	Lọ 50ml lọ		2.000		2.000				
70	Mỡ Promethazin 2% 10g	Tuýp 10g típ		6.000		6.000				
71	DD Nhỏ tai CANDID Ear Drops (Clotrimazole) 1% Lọ 15ml	Lọ 15ml lo		34.970		34.970				
72	Allopurinol Stella 300mg H10*10	Hộp 10 vỉ * 10 viên hộp		95.000		95.000				
73	Clarithromicin 250mg H2*10	Hộp 2 vỉ * 10 viên Hộp		63.000		63.000				
74	Tydol 250mg Hộp 12g OPV (Paracetamol)	Hộp 12 gói hộp		29.000		29.000				
75	Diclofenax 50mg VN	Hộp 50 vỉ * 10 viên Vỉ		1.400		1.400				

76	Difelene 50mg (Diclofenac)	Hộp 1 vỉ * 10 viên	hộp	12.000		12.000				
77	Nurofen (Ibuprofen)60ml	Lọ 60 ml	lọ	45.000		45.000				
78	Hapacol 150mg H24 gói (Paracetamol)	Hộp 24 gói	Gói	1.575		1.575				
79	Lidocain hydroclorid 40mg/2ml HD	Hộp 100 ống	ống	530		530				
80	Tydol sachet 150mg 12g/h (Paracetamol)	Hộp 12 gói	hộp	23.000		23.000				
81	Tydol sachet 80mg 12g/h (Paracetamol)	Hộp 12 gói	hộp	19.500		19.500				
82	EFFERALGAN 500mg hộp 4vỉ*4v Pháp (Paracetamol)	Hộp 4 vỉ * 4 viên	hộp	44.000		44.000				
83	Paracetamol (Falgankid)160mg H20 ống	Hộp 20 ống	ống	3.600		3.600				
84	Paracetamol (Falgankid)250mg H20 ống	Hộp 20 ống	ống	4.500		4.500				
85	Paracetamol (Falgankid)80mg H20 ống	Hộp 20 ống	ống	3.200		3.200				
86	Hapacol 80mg hộp 24gói (Pracetamol)	Hộp 24 gói	hộp	27.700		27.700				

87	Hapacol Sủi hộp 4vi *4v DHG (Paracetamol)	Hộp 4 vi * 4 viên	hộp	28.000		28.000				
88	Hapacol 250 24gói/hộp HG (Paracetamol)	Hộp 24 gói	hộp	48.700		48.700				
89	RHUMEDOL 150(Paracetamol) Hộp 10*3.5g	Hộp 10 gói	hộp	9.000		9.000				
90	A.T Ibuprofen hộp 30 ống*10ml	Hộp 30 ống	hộp	80.000		80.000				
91	PARACETAMOL IMEX 500mg Hộp 10*10 Imexpharm	Hộp 10 vi * 10 viên	hộp	53.000		53.000				
92	MEXCOLD 500 (Paracetamol) 500mg Hộp 4vi*4viên	Hộp 4 vi * 4 viên	hộp	33.600		33.600				
93	Partamol 250mg hộp 20 gói STELLA (Pracetamol)	Hộp 20 gói	hộp	27.000		27.000				
94	DYNAPAR EC(Diclofenac) 50mg H10*10	Hộp 10 vi * 10 viên	hộp	16.000		16.000				
95	EURBIC(Meloxicam 7.5mg) Hộp 2*10 Hà tây	Hộp 2 vi * 10 viên	hộp	26.000		26.000				
96	Bisolvon h3*10 (Bromhexin hydroclorid)	Hộp 3 vi * 10 viên	Hộp	38.800		38.800				

97	Stacytine 200 GRA H20g (Acetylcystein)	Hộp 20 gói	hộp	24.000		24.000				
98	Stacytine(Acetylcystein) h4*4	Hộp 4 vỉ * 4 viên	hộp	22.400		22.400				
99	Stacytine 200 Cap H100v (Acetylcystein)	Hộp 10 vỉ * 10 viên	hộp	66.671		66.671				
100	Acemuc Kids 200mg hộp 30gói Sanofi (Acetylcystein)	Hộp 30 gói	gói	2.600		2.600				
101	Cadimusol(Acetylcystein) 200mg Hộp 10*10 USP	Hộp 10 vỉ * 10 viên	hộp	47.000		47.000				
102	Siro Bổ phế Nam Hà 125ml	Lọ 125ml	lọ	40.000		40.000				
103	Sosdol Fort (diclofenac)50mg H3*10	Hộp 3 vỉ * 10 viên	Hộp	57.000		57.000				
104	Sosfever Fort (ibuprofen) 400mg H3*10	Hộp 3 vỉ *10 viên	Hộp	45.000		45.000				
105	SOSFERVER (ibuprofen) 200mg H3*10	Hộp 3 vỉ * 10 viên	Hộp	35.000		35.000				
106	Augclamox 625mg h2*10 (Amoxicilin + acid clavulanic)	Hộp 2 vỉ * 10 viên	hộp	88.000		88.000				
107	Tenofovir standa 300mg h3*10	Hộp 3 vỉ * 10 viên	hộp	525.000		525.000				

108	CIPROFLOXACIN 500mg Hộp 2*10 Imexpharm	Hộp 2 vỉ * 10 viên	Hộp	30.000	30.000				
109	Claminat 500mg/62.5mg H12 gói (Amoxicilin+ acid clavulanic)	Hộp 12 gói	hộp	89.700	89.700				
110	Claminat 1g h2*7 Imexpharm (Amoxicilin+ acid clavulanic)	Hộp 2 vỉ * 7 viên	hộp	138.900	138.900				
111	Diflucan 150mg (Fluconazol) hộp 1 viên	Hộp 1 viên	hộp	159.000	159.000				
112	Kem bôi da ACYCLOVIR 5g Tỉn phong	Tuýp 5g	tuýp	13.000	13.000				
113	Nystatin 100.000 IU H1*12v PV	Hộp 1 vỉ * 12 viên	hộp	13.000	13.000				
114	Klacid 500mg h5 viên (clarithromicin)	Hộp 1 vỉ * 5 viên	hộp	195.000	195.000				
115	Azicin 250 mg h6 gói	Hộp 6 gói	hộp	21.000	21.000				
116	Augbactam 1g (Amoxicilin+ acid clavulanic)	Hộp 2 vỉ *7 viên	hộp	55.000	55.000				

117	Augmentil 500mg hộp 12gói Pháp (Amoxicilin+ acid clavulanic)	Hộp 12 gói	gói	16.400		16.400				
118	Augmentil 250mg hộp 12gói Pháp (Amoxicilin+ acid clavulanic)	Hộp 12 gói	gói	11.600		11.600				
119	Augmentin 1g hộp 14v (Amoxicilin+ acid clavulanic)	Hộp 2 vỉ * 7 viên	hộp	270.000		270.000				
120	Azicin 500H1*6v (Azithromicin)	Hộp 1 vỉ * 6 viên	hộp	39.500		39.500				
121	Trimeseptol 480 (Sulfamethoxazol + trimethopriml) VN h25*20	Hộp 25 vỉ* 20 viên	vỉ	5.500		5.500				
122	Meko cepha 250mg bột H30gói	Hộp 30 gói	hộp	40.000		40.000				
123	Cephalexin 0.5g vỉ 10v	Hộp 10 vỉ * 10 viên	vỉ	9.000		9.000				
124	Clarithromicin 500mg H4*7	Hộp 4 vỉ *7 viên	Hộp	154.000		154.000				
125	Clarithromicin 250mg H2*10	Hộp 2 vỉ * 7 viên	Hộp	70.000		70.000				
126	Franlex 500 (Cephalexin)	Hộp 10 vỉ * 10 viên	vỉ	16.500		16.500				

127	Cefixim 100 hộp 10 gói	Hộp 10 gói	Hộp	18.000		18.000				
128	OFBEXIM 200(Cefixim)200mg hộp 3*10v USP	Hộp 3 vỉ * 10 viên	Hộp	53.000		53.000				
129	Cephalexil (Ospexine) 500mg	Vỉ 10 viên	vỉ	30.000		30.000				
130	Docyxilin 100mg vỉ10v VN	Hộp 10 vỉ * 10 viên	vỉ	5.500		5.500				
131	Erythromicin 500mg vỉ10v VN	Hộp 10 vỉ * 10 viên	vỉ	13.860		13.860				
132	Franmoxy 500mg h10*10 (Amoxicilin)	Hộp 10 vỉ *10 viên	vỉ	16.000		16.000				
133	Gentamicin 80mg /2ml HD	Hộp 10 ống	ống	1.300		1.300				
134	Griseopulvil 500mg h 2vỉ*10v vđp	Hộp 2 vỉ * 10 viên	hộp	33.000		33.000				
135	Hagimox lọ 100v (Amoxicilin)	Lọ 100 viên	lọ	115.000		115.000				
136	Haginat 500 2*5 (Cefuroxim)	Hộp 2 vỉ * 5 viên	hộp	110.000		110.000				
137	Haginat 250 2*5v (Cefuroxim)	Hộp 2 vỉ * 5 viên	hộp	60.000		60.000				
138	Hagimox250mg hộp24 gói HG (Amoxicilin)	Hộp 24 gói	hộp	25.200		25.200				

139	Hapenxin 500mg lọ 100 viên (Cephalexin)	Lọ 100 viên	lọ	128.000		128.000				
140	Haginat 125 hộp 24 gói (Cefuroxim)	Hộp 24 gói	hộp	181.500		181.500				
141	PMS-Opxil 250mg H12 (Cephalexin)	Hộp 12 gói	hộp	20.000		20.000				
142	Newtop (Cefixim)100mg h10g	Hộp 10 gói	Hộp	35.000		35.000				
143	Klacid 60ml Indonexia (Clarithromycin)	Lọ 60 mk	lọ	122.000		122.000				
144	Klameltin 625mg hộp 4vi VN (Amoxicilin + acid clavulanic)	Hộp 4 vi	hộp	63.000		63.000				
145	Klamentein 500 hộp 24 gói (Amoxicilin + acid clavulanic)	Hộp 24 gói	hộp	165.000		165.000				
146	Klamentein250mgv hộp 24 gói (Amoxicilin + acid clavulanic)	Hộp 24 gói	hộp	95.000		95.000				
147	Penixilin 1000.000UI VN	Hộp 10*10	vi	7.000		7.000				
148	Penixilin 400000đv lọ 400v	Lọ 400 viên	Lọ	90.000		90.000				
149	Specclif 2g (Spectinomycin)	Lọ 2g	lọ	66.445		66.445				

150	Zinat 250mg hộp 10v anh (Cefuroxim)	Hộp 1 vỉ * 10 viên	hộp	123.000		123.000				
151	Zithromax 200mg/5ml lọ 15ml (Azithromycin)	Lọ 15ml	lọ	111.900		111.900				
152	Zithromax 500mg H1*3v (Azithromycin)	Hộp 1 vỉ * 3 viên	hộp	265.000		265.000				
153	Zinnat 500 hộp 1v Anh (Cefuroxim)	Hộp 1 vỉ * 10 viên	Hộp	229.000		229.000				
154	LORATADIN 10mg hộp 2*10 Imexpharm	Hộp 2 vỉ * 10 viên	hộp	13.440		13.440				
155	Undtas (Cefuroxim) 500mg H3*10 Medisun	Hộp 3 vỉ * 10 viên	hộp	189.000		189.000				
156	AZIMAX 500(Azithromycin) 500mg Hộp 1*3	Hộp 1 vỉ * 3 viên	hộp	31.500		31.500				
157	Amoxicilin 500mg H10*10	Hộp 10 vỉ * 10 viên	hộp	70.350		70.350				
158	MedSkin CLOVIR 800mg h3*10 (Acyclovir)	Hộp 3 vỉ * 10 viên	hộp	107.000		107.000				
159	Auclanityl(Amoxicillin &Clavulanic) 875/125mg Hộp 2*7 Tipharco	Hộp 2 vỉ * 10 viên	hộp	105.000		105.000				

160	Auclanityl(Amoxicillin &Clavulanic) 500/125mg Hộp 2*10 Tipharc	Hộp 2 vỉ * 10 viên	hộp	98.100		98.100				
161	AMOXICILLIN 250mg Hộp 12 gói*1g Imexpharm	Hộp 12 gói	hộp	23.500		23.500				
162	OPXIL SA 500 (Cephalexin 500mg) hộp 10*10 Imexpharm	Hộp 10 vỉ *10 viên	hộp	170.000		170.000				
163	Claminat IMP 625mg H2*7 (Amoxicilin + acid clavulanic)	Hộp 2 vỉ *7 viên	hộp	73.800		73.800				
164	Claminat IMP 250/31.25 h 12 gói (Amoxicilin + acid clavulanic)	Hộp 12 gói	hộp	53.800		53.800				
165	Clarithromycin Stella 500mg H4*7	Hộp 4 vỉ * 7 viên	hộp	133.000		133.000				
166	Clarithromicin STELLA 250mg H2*10	Hộp 2 vỉ * 7 viên	hộp	57.000		57.000				
167	FICEMIX 400 (Cefixim) 400mg H1*10 USP	Hộp 1 vỉ * 10 viên	Hộp	34.600		34.600				
168	PHARMOX SA 500mg (Amoxicillin) hộp 10*10 Imexpharm	Hộp 10 vỉ * 10 viên	hộp	150.000		150.000				

169	Uscimix 400(Cefixime 400mg_Hộp 2*5 viên USP	Hộp 2 vỉ * 5 viên	hộp	35.000		35.000				
170	Claminat 500mg/125mg H12 gói (Amoxicilin + acid clavulanic)	Hộp 12 gói	hộp	95.000		95.000				
171	Emycin DHG 250(Erythromycin)250mg Hộp 24 gói	Hộp 24 gói	hộp	50.500		50.500				
172	Izandin 500(Cefuroxim H 2*5 Minh hải	Hộp 2 vỉ * 5 viên	hộp	34.000		34.000				
173	Acyclovir 800mg TP H3*10	Hộp 3 vỉ * 10 viên	Hộp	116.000		116.000				
174	An cung ngu hoàng hoàn (1viên/H)	Hộp 1 viên	Hộp	1.200.000		1.200.000				
175	Hapacol 150 24gói/hộp HG (Paracetamol)	Hộp 24 gói	hộp	40.800		40.800				
176	Mỡ Acyclovir (Avircream 5g)	Hộp 5g	typs	18.000		18.000				
177	Augmentil 250mg hộp 12gói Pháp (Amoxicilin + acid clavulanic)	Hộp 12 gói	hộp	129.700		129.700				
178	Augmentil 625mg hộp 2*7 (Amoxicilin + acid clavulanic)	Hộp 2 vỉ *7 viên	hộp	162.700		162.700				

179	Ospamox(Amoxilin 500mg) vỉ10v áo	Vỉ 10 viên	vỉ	18.000		18.000				
180	Ospamox(Amoxilin 250mg) vỉ10v áo	Vỉ 10 viên	vỉ	18.000		18.000				
181	Cefixim 100mg H10 gói US Pharma	Hộp 10 gói	hộp	24.000		24.000				
182	Cephalexin (Medofalexin 500mg H 10*10	Hộp 10 vỉ * 10 viên	hộp	103.000		103.000				
183	Klamenti 1g H2*7 (Amoxicilin + acid clavulanic)	Hộp 2 vỉ * 7 viên	Hộp	100.000		100.000				
184	AUGBIDIL (Amoxicillin 1g+Clavulanic acid 200mg)Hộp 10 lọ	Lọ 1 g	hộp	268.800		268.800				
185	Stadovas(Amlodipin)5mg Standa H3	Hộp 3 vỉ * 10 viên	hộp	18.900		18.900				
186	Acyclovir 800mg H7*5 Standa	Hộp 7 vỉ * 5 viên	hộp	125.000		125.000				
187	Xịt Ventolin Inhaler 100mcg/Liều (Salbutamol (sulfat))	Lọ 200 liều	hộp	94.500		94.500				
188	Tavanic h1*5 (Levofloxacin)	Hộp 1 vỉ *5 viên	hộp	230.000		230.000				

189	HADUQUIN 500(Levofloxacin) Hộp 2*10	Hộp 2 vỉ * 10 viên	hộp	49.000	49.000				
190	Colchisin H1*20 TPC	Hộp 1 vỉ * 10 viên	hộp	22.000	22.000				
191	KIDHEPET-NEW (Acyclovir) 200mg H20g	Hộp 20 gói	hộp	65.000	65.000				
192	Amlor 5mg Pháp (amlodipin)	Hộp 3 vỉ * 10 viên	hộp	231.500	231.500				
193	Acycloviar 200mg H5*5 standa	Hộp 5 vỉ * 5 viên	hộp	30.000	30.000				
194	Dopegyt 250mg Hung (Methyldopa)	Hộp 10 vỉ * 10 viên	vỉ	24.700	24.700				
195	Levothyrox 100mg H3*10	Hộp 3 vỉ * 10 viên	hộp	49.000	49.000				
196	Berlthyrox(Levothyrox) 0.01g	Hộp 4 vỉ * 25 viên	hộp	72.000	72.000				
197	Levothyrox 50mg H3*10	Hộp 3 vỉ * 10 viên	hộp	33.500	33.500				
198	Mobic 7.5mg 20v/h (Meloxicam)	Hộp 2 vỉ * 10 viên	hộp	180.000	180.000				
199	Depo_medrol (Methylprednisolon acetat)	Lọ 1ml	hộp	32.000	32.000				

200	Solumedrol 40mg Bì (Methylprednisolon acetat)	Lọ 1ml	lọ	44.600		44.600				
201	Dexamethazol 4mg /1ml Hộp 10 ống HD	Hộp 10 ống	ống	800		800				
202	Natri Clorid-0.9%- chai/500ml KABI Kien 20 chai	Chai 500ml	chai	10.400		10.400				
203	Natri Clorid-0.9%- chai/250ml KABI Kien 30 chai	Chai 250ml	chai	9.500		9.500				
204	Natri Clorid-0.9%- chai/100ml KABI Kien 80 chai	Chai 100ml	chai	8.700		8.700				
205	Ringer Lactate 500ml Kien 20 chai Kabi	Chai 500ml	chai	10.500		10.500				
206	Glucose-5% Dextrose in water 500ml	Chai 500ml	chai	13.400		13.400				
207	Nóc cất tiêm-5ml VN	Hộp 50 ống * 5ml	ống	640		640				
208	0.9% Sodium chloride solutio 500ml	Chai 500ml	Chai	11.250		11.250				
209	Enalaprin 5mg Stella Hộp 100v	Hộp 10 vỉ * 10 viên	Hộp	56.429		56.429				

210	Enalaprin 5mg Stella H3*10	Hộp 3 vỉ * 10 viên	Hộp	20.000		20.000				
211	Stadnolol(Atenolon) 50mg h10*10	Hộp 10 vỉ * 10 viên	vỉ	7.000		7.000				
212	Furosemid 40mg (Traphaco)	Hộp 2 vỉ * 20 viên	hộp	19.047		19.047				
213	Vitamin B2 TPC 0.002g H6*30	Hộp 6 vỉ * 30 viên	Vỉ	3.900		3.900				
214	VITAMIN PP 50mg H6*30TPC	Hộp 6 vỉ * 30 viên	vỉ	5.000		5.000				
215	Thuốc trị sỏi thận Kim tiền thảo OPC lọ 100 viên	Lọ 100 viên	Lọ	61.950		61.950				
216	Boganic forte hộp 5 vỉ *10	Hộp 5 vỉ * 10 viên	Hộp	105.900		105.900				
217	Mimosa hộp 5 vỉ *10 viên	Hộp 5 vỉ * 10 viên	Hộp	60.000		60.000				
218	Hoạt huyết Phúc Hưng hộp 5*20 viên	Hộp 5 vỉ * 20 viên	Hộp	77.1300		77.1300				
219	Hoạt huyết CM3 hộp 3 vỉ * 10 viên	Hộp 3 vỉ * 10 viên	Hộp	102.600		102.600				
220	Cebraton hộp 5 vỉ *10 viên	Hộp 5 vỉ * 10 viên	Hộp	151.700		151.700				

221	Hoạt huyết dưỡng não hộp 5 vỉ *10 viên Hải Dương	Hộp 5 vỉ * 10 viên	Hộp	24.580		24.580				
222	Long huyết P/H hộp 2 vỉ *12 viên	Hộp 2 vỉ * 12 viên	Hộp	44.440		44.440				
223	Pharcoter (Terpin codein) lọ 100 viên	Lọ 100 viên	Lọ	101.000		101.000				
224	Codefort Hộp 2 vỉ * 10 viên	Hộp 2 vỉ * 10 viên	Hộp	36.833		36.833				